

TT-ĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính
và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh
thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 04.15.2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị quyết cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh

1. Việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

2. Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

3. Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phải gắn với cơ chế hậu kiểm, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh

1. Phân cấp thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định tại Phụ lục I.1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực cấp, quản lý căn cước theo quy định tại Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự theo quy định tại Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký quản lý con dấu theo quy định tại Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo theo quy định tại Phụ lục I.6 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định tại Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

8. Cắt giảm, phân cấp thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo quy định tại Phụ lục I.8 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Phụ lục I.9 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

10. Cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Tổ chức thi hành Nghị quyết này;

b) Trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027;

c) Chủ động xây dựng, ban hành Thông tư để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027;

d) Công bố, công khai thủ tục hành chính theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia xây dựng, ban hành Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đã được các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

2. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đã được cắt giảm thuộc các lĩnh vực được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này và Phụ lục ban hành kèm theo đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thực hiện thông báo về việc cắt giảm thủ tục hành chính và trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức (nếu có yêu cầu).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

2. Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2b). **66**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



Phụ lục I

Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP
tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

Phụ lục I.1	Phân cấp thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
Phụ lục I.2	Cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực cấp, quản lý căn cước
Phụ lục I.3	Cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực định danh và xác thực điện tử
Phụ lục I.4	Cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự
Phụ lục I.5	Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký, quản lý con dấu
Phụ lục I.6	Phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo
Phụ lục I.7	Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng
Phụ lục I.8	Cắt giảm, phân cấp thủ tục hành chính lĩnh vực sát hạch, cấp giấy phép lái xe
Phụ lục I.9	Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ
Phụ lục I.10	Cắt giảm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Phụ lục I.1
**PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ,
QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI,
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

A. PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục cấp phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục cấp phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh từ cấp Trung ương cho Công an cấp tỉnh

2. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 151/2024/NĐ-CP;

b) Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

c) Giấy tờ của chủ xe theo quy định.

3. Thời gian giải quyết

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện tra cứu dữ liệu đăng ký xe trên hệ thống đăng ký, quản lý xe và đối chiếu với thông tin trong đơn đề nghị của chủ sở hữu;

Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03b Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 151/2024/NĐ-CP;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định thông qua một trong các hình thức: trực tuyến tại Cổng dịch vụ công, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền;

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thực hiện tra cứu, đối chiếu thông tin trên hệ thống đăng ký, quản lý xe;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động hoặc trả lời bằng văn bản trong trường hợp không đủ điều kiện.

II. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP

1. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh từ cấp Trung ương cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 151/2024/NĐ-CP;

b) Giấy tờ của chủ xe theo quy định.

3. Thời gian giải quyết

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp lại giấy phép hoạt động;

Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động thông qua một trong các hình thức: trực tuyến tại Cổng dịch vụ công, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép trước đó;

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp lại giấy phép hoạt động;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép hoạt động hoặc trả lời bằng văn bản trong trường hợp không đủ điều kiện.

III. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 25 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP

1. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh từ cấp Trung ương cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ

Chủ xe nộp lại giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Thời gian giải quyết

Hoàn thành trong ngày kể từ thời điểm chủ xe nộp lại giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh.

4. Trình tự thực hiện:

a) Chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật thực hiện nộp lại giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép;

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và thực hiện thu hồi giấy phép hoạt động theo quy định.

5. Các trường hợp thu hồi

Phương tiện giao thông thông minh bị thu hồi giấy phép hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Hết niên hạn sử dụng hoặc không được phép lưu hành;

b) Hư hỏng không sử dụng được;

c) Bị thải bỏ, bị mất không tìm được;

d) Giấy phép hoạt động được cấp trên cơ sở hồ sơ giả mạo hoặc cấp không đúng thẩm quyền.

Phụ lục I.2
CẤT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC CẤP,
QUẢN LÝ CĂN CƯỚC

A. BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP BỘ, CẤP TỈNH

I. Bãi bỏ thủ tục thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước thực hiện tại cấp bộ, cấp tỉnh quy định tại Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

II. Bãi bỏ thủ tục thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước thực hiện tại cấp bộ, cấp tỉnh quy định tại Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

III. Bãi bỏ thủ tục tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước thực hiện tại cấp bộ, cấp tỉnh quy định tại Điều 20 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

B. BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Bãi bỏ thủ tục thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện tại cấp tỉnh, quy định tại Điều 24 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

II. Bãi bỏ thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch thực hiện tại cấp tỉnh quy định tại Điều 24 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

III. Bãi bỏ thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước thực hiện tại cấp tỉnh quy định tại Điều 26 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

IV. Bãi bỏ thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận căn cước thực hiện tại cấp tỉnh quy định tại Điều 26 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

Phụ lục I.3
CẤT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP BỘ, CẤP TỈNH

I. Bãi bỏ thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01 cho người nước ngoài thực hiện tại cấp Bộ quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

II. Bãi bỏ thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 cho người nước ngoài thực hiện tại cấp Bộ quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

III. Bãi bỏ thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam thực hiện tại cấp Bộ, cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

IV. Bãi bỏ thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức thực hiện tại cấp Bộ, cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

Phụ lục I.4
CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH
TRẬT TỰ

BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI 3 CẤP

Bãi bỏ thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thực hiện tại cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp xã quy định tại Điều 21 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Phụ lục I.5
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU

A. BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CẤP BỘ VÀ CẤP TỈNH

I. Bãi bỏ thủ tục đăng ký thêm con dấu quy định tại Điều 16 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

II. Bãi bỏ thủ tục đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

III. Bãi bỏ thủ tục đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu quy định tại Điều 17 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

B. PHÂN CẤP TỪ CÔNG AN CẤP TỈNH XUỐNG CÔNG AN CẤP XÃ

I. Đăng ký mẫu con dấu mới

1. Phân cấp thẩm quyền đăng ký mẫu con dấu mới từ Công an cấp tỉnh cho Công an cấp xã đối với các cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp phép hoạt động.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu có hình Quốc huy: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

b) Đối với cơ quan có chức năng quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

c) Tổ chức sự nghiệp, hồ sơ gồm: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

d) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ, hồ sơ gồm: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; Điều lệ hoạt động của tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ, hồ sơ gồm: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; Văn bản quy định về tổ chức, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật; Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

e) Đối với tổ chức tôn giáo: Quyết định công nhận tổ chức của cơ quan có thẩm quyền.

g) Tổ chức trực thuộc tổ chức tôn giáo, hồ sơ gồm: Quyết định của tổ chức tôn giáo về việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

h) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật.

i) Tổ chức trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật, hồ sơ gồm: Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền; Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

k) Đối với tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao hoạt động hợp pháp tại Việt Nam: Giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

l) Tổ chức khác được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có nhu cầu đăng ký mẫu con dấu mới nộp hồ sơ về Công an cấp xã.

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ

Nếu hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

Nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do từ chối và gửi Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

c) Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, Công an cấp xã trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

II. Đăng ký lại mẫu con dấu

1. Phân cấp thẩm quyền đăng ký lại mẫu con dấu từ Công an cấp tỉnh cho Công an cấp xã đối với các cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp phép hoạt động.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc thay đổi chất liệu: Văn bản đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu, trong đó nêu rõ lý do.

b) Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu, trong đó nêu rõ lý do; Quyết định thay đổi về tổ chức, đổi tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

c) Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước bị mất con dấu, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu, trong đó nêu rõ lý do và có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan có thẩm quyền; Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu được cấp trước đó.

4. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có nhu cầu đăng ký lại mẫu con dấu do con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc thay đổi chất liệu hoặc có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên hoặc bị mất con dấu nộp hồ sơ về Công an cấp xã.

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đủ thành phần thì tiếp nhận hồ sơ và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn và gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do từ chối và gửi Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử liên hệ nộp hồ sơ.

c) Công an cấp xã trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

Phụ lục I.6**PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN
ĐẦU TƯ KINH DOANH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ,
VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ PHÁO****A. PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỪ CẤP BỘ
VỀ CẤP TỈNH**

I. Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật được quy định tại Điều 6 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

1. Phân cấp toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục từ Bộ Công an cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ gồm văn bản đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ của từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ; tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện làm mất tính năng, tác dụng.

3. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Công an cấp tỉnh.

c) Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục, cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Công dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Công dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

d) Căn cứ theo ngày hẹn trên phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận Thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

II. Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật được quy định tại Điều 6 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

1. Phân cấp toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục từ Bộ Công an cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ gồm văn bản đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ vũ khí, công cụ hỗ trợ.

3. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Công dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Công an cấp tỉnh.

c) Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Công dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục, cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

d) Căn cứ theo ngày hẹn trên phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

III. Đề nghị huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo được quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026)

1. Phân cấp toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục từ Bộ Công an cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ gồm văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/07/2023; danh sách cá nhân tham gia huấn luyện ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, trình độ chuyên môn, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu.

3. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Công an cấp tỉnh.

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

c) Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Thông báo đồng ý đề nghị huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

IV. Đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo được quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026)

1. Phân cấp toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục từ Bộ Công an cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ gồm văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023; Danh sách cá nhân đã tham gia huấn luyện ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, trình độ chuyên môn, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu.

3. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Công an cấp tỉnh.

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

c) Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

V. Đề nghị tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo được quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026)

1. Phân cấp toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục từ Bộ Công an cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ gồm bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023; danh sách cá nhân tham gia huấn luyện ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, trình độ chuyên môn, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu.

3. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Công an cấp tỉnh.

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

c) Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Thông báo đồng ý cho phép tự huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

VI. Đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo được quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026)

1. Phân cấp toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục từ Bộ Công an cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ gồm văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023.

3. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc huấn luyện, tổ chức, doanh nghiệp phải nộp văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Công an cấp tỉnh.

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của văn bản.

Trường hợp văn bản hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp văn bản chưa đầy đủ thông tin thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp văn bản không hợp lệ thì không tiếp nhận, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

c) Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

VII. Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ được quy định tại Điều 13 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026)

1. Phân cấp toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục từ Bộ Công an cho Công an cấp tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ gồm văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026; bản sao đơn đặt hàng của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp hoặc giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền; bản sao quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp vận chuyển pháo hoa nổ quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 11 Nghị định 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026.

3. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Công an cấp tỉnh.

b) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và gửi Giấy biên nhận hồ sơ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì hướng dẫn bằng văn bản và gửi hướng dẫn trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, thông báo lý do bằng văn bản và gửi thông báo trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

c) Căn cứ ngày hẹn trả kết quả trên Giấy biên nhận hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp nhận Giấy phép vận chuyên pháo hoa nổ, thuốc pháo hoa nổ trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường Bưu chính hoặc gửi trực tiếp cho người được tổ chức, doanh nghiệp cử liên hệ.

Phụ lục I.7
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN,
AN NINH MẠNG

A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục Cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12 Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng (trường hợp cấp phép, kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự)

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định 108/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.

b) Bản thuyết minh hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Phương án kinh doanh.

d) Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật.

đ) Phương án kỹ thuật.

e) Phương án bảo mật thông tin khách hàng.

2. Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.

II. Thủ tục Cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 108/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định 108/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng trừ trường hợp cấp phép, kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hoặc dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.

b) Bản thuyết minh hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Phương án kinh doanh.

d) Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật.

đ) Phương án kỹ thuật.

e) Phương án bảo mật thông tin khách hàng.

2. Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.

III. Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân quy định tại Điều 26 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Gộp 02 thủ tục hành chính gồm Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân; Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân thành 01 thủ tục Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân

2. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân

3. Trình tự thủ tục:

a) Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân xem xét, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

IV. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân quy định tại Điều 25 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân

Thành phần hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân
- b) Văn bản chỉ định bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc hợp đồng sử dụng dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định
- c) Đề án đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân
- d) Các văn bản, giấy tờ chứng minh khác.

V. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận tên định danh quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 quy định chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

Thành phần hồ sơ gồm:

- a) Bản khai Cấp tên định danh theo Mẫu;
- b) Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- c) Giấy tờ khác có liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký thương hiệu.

B. PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

I. Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới quy định tại Điều 18 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bản chính hồ sơ đầy đủ qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ Công an kèm theo Mẫu số 01a/01b tại Phụ lục của Nghị định số 356/2025/NĐ-CP trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày tiến hành chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới.

Bộ Công an tiếp nhận, phân loại hồ sơ và chuyển Công an tỉnh, thành phố để xử lý theo địa bàn, quy mô, lĩnh vực.

Đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định, Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới trong thời hạn 30 ngày.

Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố đánh giá và trả kết quả đối với hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu trong thời hạn 15 ngày.

II. Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân Điều 19 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bản chính hồ sơ đầy đủ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ Công an kèm theo Mẫu số 02a/02b tại Phụ lục của Nghị định này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân.

Bộ Công an tiếp nhận, phân loại hồ sơ và chuyển Công an tỉnh, thành phố để xử lý theo địa bàn, quy mô, lĩnh vực. Đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định, Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới trong thời hạn 30 ngày.

Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố đánh giá và trả kết quả đối với hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu trong thời hạn 15 ngày.

III. Thông báo cập nhật hồ sơ đánh giá tác động về dữ liệu cá nhân quy định tại Điều 20 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân

Thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bộ Công an tiếp nhận, phân loại hồ sơ và chuyển Công an tỉnh, thành phố để xử lý theo địa bàn, quy mô, lĩnh vực.

Việc cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới được thực hiện theo Mẫu số 03a/03b tại Phụ lục của Nghị định này, nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ Công an.

IV. Cấp Giấy chứng nhận tên định danh theo Điều 26 Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

1. Công an tỉnh, thành phố cấp Giấy chứng nhận tên định danh.

2. Thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

V. Cấp lại Giấy chứng nhận tên định danh theo Điều 27 Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

1. Công an tỉnh, thành phố cấp Giấy chứng nhận tên định danh.
2. Thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện: theo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

VI. Gia hạn Giấy chứng nhận tên định danh theo Điều 28 Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

1. Công an tỉnh, thành phố cấp Giấy chứng nhận tên định danh.
2. Thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

Phụ lục I.8
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

A. BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CẤP BỘ

Bãi bỏ thủ tục Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 thực hiện tại cấp Bộ quy định tại Điều 26 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

B. PHÂN CẤP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CẤP BỘ

I. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 từ cấp Bộ cho Công an cấp tỉnh thực hiện quy định tại Điều 28 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP.

II. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 từ cấp Bộ cho Công an cấp tỉnh thực hiện quy định tại Điều 29 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP.

III. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục thu hồi giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 từ cấp Bộ cho Công an cấp tỉnh thực hiện quy định tại Điều 31 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP.

Phụ lục I.9
CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
LĨNH VỰC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ

A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục Cấp mới Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên quy định tại Điều 20, 21 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Bộ Công an; qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Công an, Công an cấp tỉnh

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, Bộ Công an, Công an cấp tỉnh kiểm tra, xử lý và trả kết quả bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp mới Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên (Mẫu số 02b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ).

b) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, các tài liệu chứng minh cơ quan, tổ chức đủ điều kiện được sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên (khoản 6, 7, 8 Điều 18 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP).

II. Thủ tục Cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên quy định tại Điều 20, 21 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Bộ Công an; qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Công an, Công an cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ Công an, Công an cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và xử lý.

c) Trả kết quả bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên (Mẫu số 02b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 151/2024/NĐ-CP).

b) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, các tài liệu chứng minh cơ quan, tổ chức đủ điều kiện được sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên (khoản 6, 7, 8 Điều 18 Nghị định 151/2024/NĐ-CP).

III. Thủ tục Chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam được tổ chức cho người nước ngoài đưa xe cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch quy định tại Điều 33 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam tổ chức cho người nước ngoài đưa xe cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Bộ Công an thông qua một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính; nộp trực tiếp.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ Công an có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận:

Trường hợp chấp thuận thì trả kết quả là văn bản chấp thuận, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho doanh nghiệp đã gửi hồ sơ trước đó, đồng thời gửi văn bản chấp thuận đến các đơn vị chức năng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan để phối hợp quản lý;

Trường hợp từ chối, không chấp thuận thì có văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho doanh nghiệp đã gửi hồ sơ trước đó.

2. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị chấp thuận kèm theo danh sách người điều khiển và thông tin về xe cơ giới.

b) Bản sao giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối với doanh nghiệp lần đầu xin chấp thuận được tổ chức cho khách du lịch nước ngoài đưa xe cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam.

IV. Thủ tục Chấp thuận tổ chức, cá nhân đưa xe ô tô có tay lái bên phải vào tham gia giao thông tại Việt Nam không phải mục đích du lịch quy định tại Điều 33 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân đưa xe ô tô có tay lái ở bên phải vào tham gia giao thông tại Việt Nam không phải mục đích du lịch gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Bộ Công an thông qua một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính; nộp trực tiếp.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ Công an có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận:

Trường hợp chấp thuận thì trả kết quả là văn bản chấp thuận, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó, đồng thời gửi văn bản chấp thuận đến các đơn vị chức năng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan để phối hợp quản lý;

Trường hợp từ chối, không chấp thuận thì có văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó.

2. Thành phần hồ sơ

a) Công hàm của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên Chính phủ tại Việt Nam đề nghị và nêu rõ lý do cho phương tiện tham gia giao thông tại Việt Nam.

b) Văn bản đề nghị chấp thuận kèm theo danh sách người điều khiển và thông tin về xe cơ giới.

V. Thủ tục Chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam tổ chức cho người nước ngoài đưa xe cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch được thay đổi lộ trình, tuyến đường di chuyển, thời gian phương tiện xuất cảnh chậm so với văn bản chấp thuận hoặc quá thời gian lưu trú tối đa tại Việt Nam quy định tại Điều 33 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam tổ chức cho người nước ngoài đưa xe cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch gửi văn bản đề nghị đến Bộ Công an thông qua một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính; nộp trực tiếp.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Công an có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận:

Trường hợp chấp thuận thì trả kết quả là văn bản chấp thuận, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho doanh nghiệp, đồng thời gửi văn bản đến các đơn vị chức năng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan để phối hợp quản lý;

Trường hợp từ chối, không chấp thuận thì có văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho doanh nghiệp đã gửi hồ sơ trước đó.

2. Thành phần hồ sơ

Văn bản đề nghị chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam được thay đổi lộ trình, tuyến đường di chuyển, thời gian phương tiện xuất cảnh chậm so với văn bản chấp thuận hoặc quá thời gian lưu trú tối đa tại Việt Nam.

VI. Thủ tục Chấp thuận tổ chức, cá nhân đưa xe ô tô có tay lái bên phải vào tham gia giao thông tại Việt Nam không phải mục đích du lịch được thay đổi lộ trình, tuyến đường di chuyển, thời gian phương tiện xuất cảnh chậm so với văn bản chấp thuận hoặc quá thời gian lưu trú tối đa tại Việt Nam quy định tại Điều 33 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân đưa xe ô tô có tay lái ở bên phải vào tham gia giao thông tại Việt Nam không phải mục đích du lịch gửi văn bản đề nghị đến Bộ Công an thông qua một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính; nộp trực tiếp.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Công an có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận:

Trường hợp chấp thuận thì trả kết quả là văn bản chấp thuận, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, cá nhân, đồng thời gửi văn bản đến các đơn vị chức năng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan để phối hợp quản lý;

Trường hợp từ chối, không chấp thuận thì có văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó.

2. Thành phần hồ sơ

Văn bản đề nghị chấp thuận tổ chức, cá nhân được thay đổi lộ trình, tuyến đường di chuyển, thời gian phương tiện xuất cảnh chậm so với văn bản chấp thuận hoặc quá thời gian lưu trú tối đa tại Việt Nam.

Phụ lục I.10
CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

1. Bãi bỏ thủ tục Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Bãi bỏ thủ tục Cấp mới quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận sản phẩm quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Bãi bỏ thủ tục Sửa đổi, bổ sung quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận sản phẩm quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Bãi bỏ thủ tục Cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận sản phẩm quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

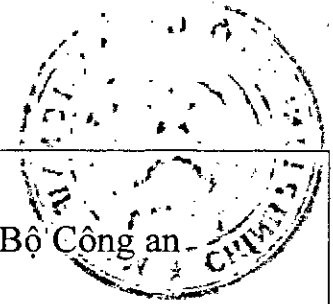


Phụ lục II

AN BẢN ĐƯỢC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

STT	CÁC NGHỊ ĐỊNH CẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM CẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
1.	Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ	Điều 20, Điều 21, Điều 33, khoản 4 Điều 25	Bộ Công an
2.	Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước	Điều 13, Điều 20	Bộ Công an
3.	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử	Khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 12	Bộ Công an
4.	Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung Điều 21	Bộ Công an
5.	Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu	Sửa đổi, bổ sung tại Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 16, Điều 17	Bộ Công an
6.	Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Điều 6	Bộ Công an



7.	Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP	Điều 13, Điều 18	Bộ Công an
8.	Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Điều 18, Điều 19	Bộ Công an
9.	Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác	Điều 26, Điều 27, Điều 28	Bộ Công an
10.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Điều 28, Điều 29, Điều 31	Bộ Công an